

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 30-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Sơn và ông Chảo Phù Hiễn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thuỳ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân Chiến, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Hạng A H, sinh năm 1995, tại huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Hạng Đình P (Hạng A P), đã chết.

Con bà: Sùng Thị D, sinh năm 1954.

Bị cáo có vợ Tráng Thị S, sinh năm 1992 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử, bị cáo tại ngoại, có mặt.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ A L, chức vụ Chủ tịch UBND xã N, xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Giàng A P, sinh năm 1993, Kiểm lâm viên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

* **Người được triệu tập đến phiên tòa:** Ông Lò Văn C, chức vụ Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02 năm 2022, Hạng A H mang theo dao quắm đến khu vực rừng thuộc địa phận bản N, xã N, huyện N thuộc khoảnh 21, tiểu khu 452 quy hoạch rừng sản xuất để phát cây rừng lấy đất làm nương trồng quế. Bị cáo chặt phát các thảm thực vật rồi chặt hạ những cây gỗ to. Bị cáo chặt phá liên tiếp trong 08 ngày thì xong đám rừng có diện tích theo biên bản khám nghiệm hiện trường là 6.276,08 m² gây thiệt hại về rừng trị giá 20.373.878 đồng. Đến ngày 27/3/2022, bị cáo bị cơ quan Kiểm lâm phát hiện, UBND xã N đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với bị cáo.

Kết luận giám định số 13/KL-GĐ ngày 27/7/2022 của Giám định viên Tư pháp thuộc sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên kết luận: Diện tích bị chặt phá 6.276,08 m² rừng có cây gỗ tự nhiên thuộc Tiểu khu 452, khoảnh 21 thuộc bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên là rừng sản xuất. Trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt. Các loại cây gỗ bị chặt phá chủ yếu là Thành ngạnh, Vối thuốc, Ba soi, Dẻ, Màng Tang, Hu đay.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐDGTS ngày 15/4/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện N xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản tại khu vực rừng đã bị hủy hoại trị giá 20.373.878 đồng.

Cáo trạng số 79/CT-VKS-NP ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Hạng A H về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Hạng A H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại rừng. Không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 20.373.878 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Đại diện cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên là nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Hạng A H có tội. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hạng A H có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Bị cáo Hạng A H đã hủy hoại với mức độ thiệt hại trên diện tích rừng bị phá 6.276,08 m², khối lượng gỗ bị chặt phá trên diện tích phá rừng trái pháp luật 6,410 m³ gỗ tròn các loại từ nhóm V đến nhóm VIII; củi tận thu trên diện tích rừng bị phá 7,640 m³. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 20.373.878 đồng. Diện tích rừng sản xuất bị cáo hủy hoại trong khoảng từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự với mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 đến 05 năm.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Hạng A H là người dân tộc Mông sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích làm nương phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tại giai đoạn điều

tra, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại 20.373.878 đồng; Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện hành vi tội phạm của một đối tượng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N có văn bản số 97/CV-CQĐT ngày 27/10/2022 về áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, lai lịch nhân thân rõ ràng. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật của Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt cách ly đối với bị cáo mà áp dụng áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để chính quyền địa phương cùng gia đình giúp đỡ cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hạng A H.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 20.373.878 đồng theo các biên lai thu tiền số 2848 ngày 25/10/2022 và 2852 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Hạt Kiểm lâm huyện N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ của bị cáo 01 con dao quắm là phương tiện bị cáo sử dụng chặt phá cây rừng. Vật chứng này tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là toàn bộ số lượng củi, gỗ tận thu để lại trên hiện trường, do chi phí vận chuyển lớn, lực lượng Kiểm lâm mỏng, đường xá đi lại khó khăn. Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao cho UBND xã N trông coi số vật chứng trên không để mất mát, tự phân hủy tại hiện trường để cải tạo đất rừng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

[12] Các vấn đề khác: Đối với trách nhiệm của Giàng A P, Kiểm lâm viên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên đã để xảy ra các vụ huỷ hoại rừng trên địa bàn mình quản lý, Hội đồng xét xử kiến nghị: Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, khắc phục tình trạng quản lý lỏng lẻo, thiếu tinh thần trách nhiệm trong quản lý diện tích rừng được giao. Phát hiện và xử lý cương quyết, triệt để, đúng pháp luật tình trạng phá rừng ngay từ khi mới bắt đầu xảy ra các vụ việc huỷ hoại rừng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điểm d Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hạng A H** phạm tội "**Hủy hoại rừng**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hạng A H 18** (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hạng A H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ một phần thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/LCCT-TA ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với Hạng A H.

Bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Hạng A H đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 20.373.878 (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng theo các biên lai thu tiền số số 2848 ngày 25/10/2022 và 2852

ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm bồi thường dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao găm có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 30 phút ngày 14/11/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Hạng A H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/9/2022. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huấn